|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BÌNH THUẬN** Số: /2023/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bình Thuận, ngày tháng năm 2023* |

**DỰ KIẾN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định** **chế độ, chính sách và**

**các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp**

**trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2018/NQ-HĐND**

**ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

­­­

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**KHÓA XI, KỲ HỌP ………..**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và* *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đại biểu HĐND;*

*Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-VPQH ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh một số định mức chi trong Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của quốc hội;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung* một số điều của Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh*; Báo cáo thẩm tra số ….ngày … tháng… năm 2023 của Ban …. Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Chi xây dựng các văn bản liên quan (bao gồm chương trình, kế hoạch, đề cương báo cáo, lịch làm việc,...) của một đợt giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh : 700.000 đồng/đợt.

- Cấp huyện : 500.000 đồng/đợt.

- Cấp xã : 300.000 đồng/đợt”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Chi xây dựng các văn bản liên quan (bao gồm chương trình, kế hoạch, đề cương báo cáo, lịch làm việc,...) của một đợt giám sát, khảo sát của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND theo kế hoạch được Thường trực HĐND phê duyệt hoặc giao nhiệm vụ:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/đợt.

- Cấp huyện : 300.000 đồng/đợt.

- Cấp xã : 200.000 đồng/đợt”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND (chỉ gửi đại biểu nghiên cứu, không trình bày trước kỳ họp):

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện : 700.000 đồng/đợt.

- Cấp xã : 400.000 đồng/đợt”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm đ như sau:

“đ) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : 800.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện : 600.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã : 300.000 đồng/báo cáo”.

đ) Bổ sung điểm e như sau:

“e) Chi xây dựng Thông báo kết luận giám sát của Đoàn giám sát HĐND, Thường trực HĐND:

- Cấp tỉnh : 500.000 đồng/thông báo.

- Cấp huyện : 300.000 đồng/thông báo.

- Cấp xã : 200.000 đồng/thông báo”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Chủ trì buổi giám sát, khảo sát của các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 120.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Thành viên, Thư ký Đoàn giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh : 120.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 80.000 đồng/người/buổi”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Công chức, viên chức, người lao động phục vụ Đoàn giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 60.000 đồng/người/buổi”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Chi tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp, tiếp xúc cử tri theo chuyên đề của đại biểu HĐND, Tổ đại biểu HĐND và chi bồi dưỡng giám sát chuyên đề của Tổ đại biểu HĐND

1. Thực hiện khoán chi công tác phí và chế độ tiếp xúc cử tri, cho đại biểu HĐND như sau:

a) Đối với các đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đại biểu công tác tại các cơ quan thuộc trung ương, đại biểu không có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô công và đại biểu đã nghỉ hưu: Văn phòng HĐND trực tiếp thanh toán cho đại biểu theo mức khoán chi công tác phí do Thường trực HĐND quyết định.

b) Đối với đại biểu đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Hàng năm, Thường trực HĐND quyết định mức khoán chi công tác phí và chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND cùng cấp, bồi dưỡng cho đại biểu HĐND tỉnh tham gia giám sát chuyên đề của Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND cấp nào thì được thanh toán công tác phí khoán tại Văn phòng HĐND cấp đó từ nguồn kinh phí ngân sách cấp cho HĐND hàng năm.

2. Đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh : 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 120.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi.

3. Chi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam viết báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri cho mỗi kỳ tiếp xúc cử tri trước hoặc sau kỳ họp HĐND:

Cấp tỉnh : 500.000 đồng/báo cáo.

Cấp huyện : 300.000 đồng/báo cáo.

Cấp xã : 200.000 đồng/báo cáo.

4. Chi sinh hoạt Tổ đại biểu HĐND:

- Cấp tỉnh : 1.500.000 đồng/người/năm.

- Cấp huyện : 1.000.000 đồng/người/năm.

5. Chi cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND các cấp: 100.000 đồng/người/buổi.

6. Chi nước uống và trang trí tại mỗi điểm tiếp xúc cử tri:

- Cấp tỉnh : 1.000.000 đồng/điểm.

- Cấp huyện : 700.000 đồng/điểm.

- Cấp xã : 500.000 đồng/điểm.

Trường hợp đại biểu HĐND các cấp cùng tiếp xúc cử tri tại một điểm thì áp dụng mức chi và sử dụng kinh phí của cấp cao nhất chi trả”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Chủ tọa kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 200.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Đại biểu dự họp:

- Cấp tỉnh : 150.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 120.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 100.000 đồng/người/buổi”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Công chức, viên chức, người lao động phục vụ kỳ họp:

- Cấp tỉnh : 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 60.000 đồng/người/buổi”.

5. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Chi tiền nước uống:

- Cấp tỉnh : 20.000đồng/người/buổi.

- Cấp huyện : 20.000đồng/người/buổi.

- Cấp xã : 20.000 đồng/người/buổi

6. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Chi thăm hỏi ốm đau, nằm viên đối với các đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND chuyên trách: 1.000.000 đồng/lần (không quá 02 lần/năm)”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo: được trợ cấp một lần, tối đa 5.000.000 đồng/người”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Trong một nhiệm kỳ HĐND, mỗi đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền trang phục với mức chi:

- Cấp tỉnh : 6.000.000 đồng/người.

- Cấp huyện : 5.000.000 đồng/người.

- Cấp xã : 4.000.000 đồng/người.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Trong một nhiệm kỳ HĐND, cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và cán bộ, công chức Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện, cấp xã phục vụ trực tiếp HĐND được hỗ trợ tiền trang phục với mức chi:

- Cấp tỉnh : 4.000.000 đồng/người.

- Cấp huyện : 3.000.000 đồng/người.

- Cấp xã : 2.000.000 đồng/người”.

Trường hợp cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, cán bộ, công chức Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện, cấp xã phục vụ trực tiếp HĐND là đại biểu HĐND thì chỉ được hỗ trợ tiền may trang phục theo tiêu chuẩn là đại biểu HĐND, không được hỗ trợ tiền may trang phục theo quy định tại khoản này.

10. Sửa đổi khoản 3 Điều 11như sau:

“3. Mức chi hỗ trợ báo chí được cấp theo mức khoán hàng tháng cho đại biểu HĐND các cấp:

- Cấp tỉnh : 300.000 đồng/tháng.

- Cấp huyện : 300.000 đồng/tháng.

- Cấp xã : 300.000 đồng/tháng”.

11. Bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Chi quà tặng cho các hoạt động xã hội của HĐND tỉnh với mức chi:

- Cấp tỉnh : 2.000.000 đồng/tập thể/lần và 1.000.000 đồng/cá nhân/lần.

- Cấp huyện, xã : 1.000.000 đồng/tập thể/lần và 500.000 đồng/cá nhân/lần”.

12. Bổ sung khoản 5 Điều 11 như sau:

“5. Chi quà lưu niệm cho đại biểu HĐND hết nhiệm kỳ, đại biểu HĐND chuyên trách các cấp chuyển công tác, nghỉ hưu với mức chi 2.000.000 đồng/cá nhân/lần”.

13. Bỏ Khoản 3 Điều 14

14. Bỏ điểm a, điểm b, điểm c Khoản 4 Điều 14

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“**Điều 17.** **Chi công tác thông tin, tuyên truyền trên báo, đài phát thanh và truyền hình , trang Thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

1. Chi viết bài đăng trên báo, trên sóng phát thanh và truyền hình tuyên truyền về hoạt động của HĐND tỉnh theo hợp đồng thực tế phát sinh công việc

2. Chi viết tin, bài đăng trên trang web Thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Chi viết báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân qua phương tiện thông tin đại chúng: 300.000 đồng/báo cáo”.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ ....thông qua ngày….tháng …. năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Chính phủ;  - Bộ Tài chính;  - Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;  - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh,  Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;  - Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;  - Các ban HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh  - Các Sở, ban, ngành và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Trung tâm Thông tin tỉnh;  - Lưu: VT, TH, K.T. | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Hoài Anh** |